

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Ngưỡng quanh 1,200 có vẻ đã trở thành ngưỡng cân bằng cho thị trường ở thời điểm hiện tại, khi mà dù biến động dữ dội trong phiên, VN-Index vẫn trở lại đóng cửa tại mốc 1,197.13 điểm, thu hẹp đà giảm từ 70 điểm xuống còn gần 10 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Tuy hôm nay là cây nến rút chân, nhưng biên độ dao động vẫn quá rộng, tiềm ẩn rủi ro. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2506.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 22/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.94** điểm, đóng cửa tại **1197.13** điểm. HNX-Index **-3.76** điểm, đóng cửa tại **207.71** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.58)**, **HVN (+0.78)**, **MWG (+0.62)**, **VCB (+0.61)**, **FRT (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.21)**, **GVR (-1.27)**, **TCB (-1.00)**, **BCM (-0.75)**, **BSR (-0.50)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **31,734** tỷ đồng, tăng **82.78%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 34,076 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 66.84 điểm. Thị trường có **132** mã tăng, 46 mã tham chiếu, **400** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **508.80** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (212.62 tỷ)**, **MWG (183.95 tỷ)**, **STB (170.41 tỷ)**, **VIX (96.61 tỷ)**, **MBB (94.17 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **18.83** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.80%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VHM (+4.55%)** ([Link báo cáo](#))
 - MWG (+3.06%)**
 - DGC (+1.26%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-2.52%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - FRT (+5.83%)**
 - HAH (+1.85%)** ([Link báo cáo](#))
 - VRE (+0.98%)**

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.80%	-2.52%	-0.82%	-0.30%
1 tuần	-1.05%	-0.07%	-2.50%	-1.55%
1 tháng	-11.35%	-13.16%	-9.44%	-6.38%
3 tháng	-9.22%	-7.90%	-3.65%	-1.48%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,197.13	207.71	89.67
% 1D	-0.82%	-1.78%	-1.35%
GTGD (tỷ VND)	31,734	1,840	821
%1D	82.78%	80.79%	88.81%
GDNN (tỷ VND)	508.80	18.83	58.05

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	212.62	FPT	-123.50
MWG	183.95	KBC	-105.70
STB	170.41	VNM	-60.12
VIX	96.61	MSN	-43.62
MBB	94.17	FTS	-37.91

Thị trường thế giới

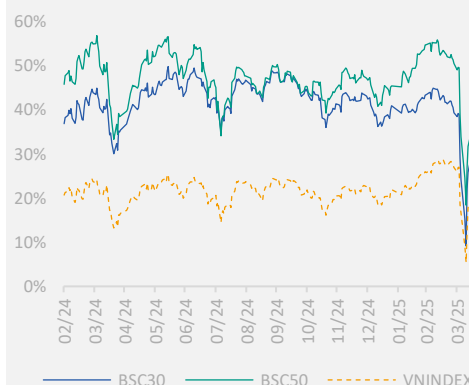
		%D	%W
SPX	5,158	-2.36%	-3.83%
FTSE100	8,288	0.14%	4.06%
Eurostoxx	4,922	-0.26%	2.82%
Shanghai	3,300	0.25%	0.98%
Nikkei	34,221	-0.17%	-0.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.15	1.34%
Giá vàng	3,448	0.17%
Tỷ giá		
USD/VND	26,090	0.12%
EUR/VND	30,629	-0.19%
JPY/VND	188	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin nhanh	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Danh mục BSC30	Trang 5
Danh mục BSC50	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

TIN NHANH

Cập nhật thay đổi danh mục cổ phiếu thành phần của bộ chỉ số VNDiamond và VNFIN Select

Ngày 21/04/2025 các chỉ số VNDiamond và VNFIN Select đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần cho kỳ Q2/2025. Những thay đổi trong danh mục mới của các chỉ số đúng như BSC đã dự báo trước đó (Chi tiết: báo cáo tuần 12). Ngày 2/05/2025 sẽ là ngày các quỹ ETF tham chiếu những bộ chỉ số trên hoàn thành cơ cấu danh mục.

Chi tiết thay đổi đáng chú ý:

A. Bộ chỉ số VN-Diamond (4 ETF tham chiếu: FUEBFVND, FUEVFVND, FUEKIVND, FUEMAVND)

- CTD: vào rổ CP lần đầu vào chỉ số
- VIB: vào rổ CP chờ loại ra.
- VRE: bị loại khỏi bộ chỉ số.

B. Bộ chỉ số VN-FinSelect (1 ETF tham chiếu: FUEKIVFS)

- Cổ phiếu NAB được thêm mới trong rổ chỉ số VN-FinSelect và có thể được lựa chọn vào danh mục đầu tư của ETF FUEKIVFS (Kim Growth VNFINSELECT).

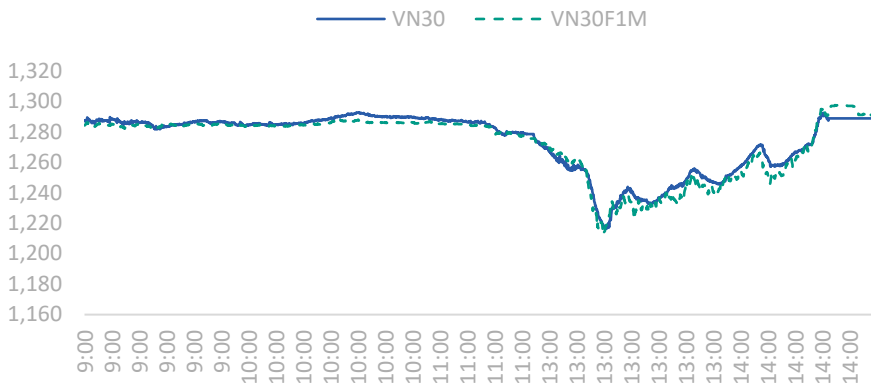
Lưu ý: do việc cơ cấu các ETF nội sẽ hoàn tất trong tuần này (việc cơ cấu có thể diễn ra ngay từ hôm nay - đối với các ETF tham chiếu theo VN-Diamond, VN-FinSelect, đối với các ETF tham chiếu theo VN30, Finlead thì việc cơ cấu đã có thể bắt đầu từ trước đó do Hose thay đổi thời gian công bố tỷ trọng danh mục).

BSC Research ước tính số lượng cổ phiếu mua bán đối với 4 bộ chỉ số VN30, VN-Diamond, VN-Finlead và VN-FinSelect như sau:

Dự báo số lượng cổ phiếu mua/bán của các quỹ ETF nội Q2/2025

Mã	VN30			VNFIN Lead			VNDiamond			Tổng hợp		Số phiên GD dự kiến	Ghi chú
	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	Tổng TGTD	Tổng KLGD		
VJC	2.93%	89.33	1,046,065	-	-	-	-	-	-	89.33	1,046,065	0.97	
CTD	-	-	-	-	-	-	0.90%	91.65	1,178,084	91.65	1,178,084	0.83	VNDiamond: CP lần đầu vào chỉ số
MWG	7.16%	198.87	3,501,306	-	-	-	15.00%	110.30	1,983,875	309.18	5,485,180	0.58	
VNM	5.38%	175.85	3,140,091	-	-	-	0.00%	-	-	175.85	3,140,091	0.58	
BMP	-	-	-	-	-	-	1.54%	21.28	158,957	21.28	158,957	0.51	
FPT	9.56%	156.76	1,452,794	-	-	-	15.00%	274.70	2,459,290	431.46	3,912,085	0.39	
KDH	-	-	-	-	-	-	3.51%	37.75	1,398,219	37.75	1,398,219	0.38	
MSN	5.13%	146.01	2,588,795	-	-	-	-	-	-	146.01	2,588,795	0.35	
HPG	10.00%	298.98	11,724,691	-	-	-	-	-	-	298.98	11,724,691	0.34	
PLX	0.48%	14.58	441,711	-	-	-	-	-	-	14.58	441,711	0.32	
GAS	0.78%	20.27	348,877	-	-	-	-	-	-	20.27	348,877	0.30	
SAB	0.77%	24.29	510,218	-	-	-	-	-	-	24.29	510,218	0.28	
GMD	-	-	-	-	-	-	7.48%	28.55	598,442	28.55	598,442	0.25	
REE	-	-	-	-	-	-	4.65%	14.67	215,155	14.67	215,155	0.24	
VHM	6.39%	193.89	3,431,636	-	-	-	-	-	-	193.89	3,431,636	0.22	
VIC	8.58%	225.78	3,325,163	-	-	-	-	-	-	225.78	3,325,163	0.20	
GVR	0.43%	10.25	436,014	-	-	-	-	-	-	10.25	436,014	0.10	
NLG	-	-	-	-	-	-	3.48%	11.09	401,256	11.09	401,256	0.10	
MSB	-	-	-	1.34%	0.10	9,303	2.34%	11.98	1,074,261	12.08	1,083,564	0.06	
NAB	-	-	-	0.31%	0.39	23,979	-	-	-	0.39	23,979	0.00	Được thêm mới trong VNFINSELECT*
HCM	-	-	-	0.82%	0.98	40,275	-	-	-	0.98	40,275	0.00	
VCI	-	-	-	1.39%	0.18	5,126	-	-	-	0.18	5,126	0.00	
VIX	-	-	-	1.96%	(0.30)	(23,905)	-	-	-	-0.30	-23,905	(0.00)	
EIB	-	-	-	2.67%	(1.51)	(80,506)	-	-	-	-1.51	-80,506	(0.00)	
VND	-	-	-	1.28%	(2.47)	(160,776)	-	-	-	-2.47	-160,776	(0.01)	
SHB	1.98%	(55.57)	(4,630,751)	5.20%	4.39	332,934	-	-	-	-51.17	-4,297,818	(0.06)	
TPB	0.82%	(30.18)	(2,330,364)	1.23%	0.40	29,266	1.57%	7.20	531,682	-22.58	-1,769,416	(0.08)	
SSI	1.51%	(61.99)	(2,695,191)	4.97%	(3.77)	(164,684)	0.00%	-	-	-65.76	-2,859,875	(0.10)	
VRE	2.13%	68.48	3,356,729	-	-	-	-	(99.76)	(4,890,145.50)	-31.28	-1,533,416	(0.10)	VNDiamond: bị loại
BID	0.48%	(16.95)	(470,888)	0.41%	0.36	10,135	0.00%	-	-	-16.59	-460,753	(0.13)	
CTG	1.43%	(58.97)	(1,585,336)	2.85%	1.25	33,481	2.03%	10.47	281,052	-47.26	-1,270,803	(0.14)	
MBB	3.66%	(136.02)	(5,939,678)	10.65%	(3.42)	(148,880)	7.01%	29.95	1,304,816	-109.49	-4,783,741	(0.15)	
STB	3.43%	(128.31)	(3,363,319)	10.88%	0.65	16,176	0.00%	-	-	-127.66	-3,347,143	(0.17)	
BCM	0.25%	(7.39)	(138,168)	-	-	-	0.00%	-	-	-7.39	-138,168	(0.19)	
OCB	-	-	-	0.24%	0.19	18,187	1.06%	(18.24)	(1,736,734)	-18.04	-1,718,548	(0.22)	
TCB	5.65%	(212.03)	(8,218,079)	14.87%	(2.32)	(90,054)	10.73%	54.17	2,103,793	-160.17	-6,204,340	(0.24)	
PNJ	-	-	-	-	-	-	8.44%	(29.78)	(428,459)	-29.78	-428,459	(0.27)	
BVH	0.17%	(8.08)	(183,449)	-	-	-	0.00%	-	-	-8.08	-183,449	(0.28)	
VPB	3.18%	(159.31)	(9,482,840)	9.58%	(1.33)	(79,833)	4.53%	(25.27)	(1,513,073)	-185.91	-11,075,746	(0.44)	
VCB	2.60%	(110.77)	(1,867,910)	3.27%	2.62	45,095	0.00%	-	-	-108.14	-1,822,815	(0.47)	
HDB	2.58%	(92.92)	(4,499,791)	5.86%	5.10	249,920	3.67%	(100.15)	(4,909,521)	-187.98	-9,159,391	(0.49)	
SSB	1.65%	(77.04)	(4,119,751)	1.02%	0.99	51,749	0.00%	-	-	-76.05	-4,068,002	(0.63)	
ACB	4.66%	(169.55)	(6,977,248)	8.49%	(1.45)	(60,095)	6.64%	(182.25)	(7,562,262)	-353.25	-14,599,605	(0.82)	
VIB	1.81%	(51.86)	(2,849,619)	2.15%	1.69	95,863	0.43%	(187.26)	(10,608,853)	-237.43	-13,362,609	(1.12)	VNDiamond: CP chờ loại ra
LPB	4.42%	(170.77)	(5,230,391)	8.53%	2.72	82,341	0.00%	-	-	-168.05	-5,148,050	(1.39)	

Nguồn: BSC Research

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1298.00	0.14%	262	60.7%	9/18/2025	149
VN30F2512	1299.60	0.19%	186	177.6%	12/18/2025	240
VN30F2505	1292.00	0.08%	421,002	86.1%	5/15/2025	23
VN30F2506	1286.10	-0.16%	1,525	69.3%	6/19/2025	58

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -3.91 điểm, đóng cửa tại 1290.38 điểm. Biên độ dao động 76.32 điểm. Các cổ phiếu như VIC, TCB, FPT, SSI, VNM tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Lực cầu bắt đáy kéo VN30 kết phiên gần mốc tham chiếu. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2506. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2409	6/30/2025	69	266,600	-78.84%	2.89	400	37.9%	4.05	4.89	23.10	23.10
CMWG2410	6/30/2025	69	128,800	-85.73%	7.08	110	37.5%	5.03	8.18	57.30	57.30
CMWG2508	2/23/2026	307	75,100	-73.30%	7.30	800	33.3%	5.03	15.30	57.30	57.30
CVHM2406	7/28/2025	97	270,100	-72.80%	5.00	2,660	33.0%	13.14	15.64	57.50	57.50
CMWG2502	5/26/2025	34	1,998,100	-86.65%	6.00	330	32.0%	10.27	7.65	57.30	57.30
CMSN2502	5/26/2025	34	1,771,200	-87.14%	7.30	50	25.0%	10.29	7.55	58.70	58.70
CMWG2406	7/28/2025	97	679,000	-84.71%	6.60	540	22.7%	12.70	8.76	57.30	57.30
CHPG2412	6/30/2025	69	993,400	-85.74%	3.13	110	22.2%	5.49	3.57	25.05	25.05
CVHM2411	6/30/2025	69	143,300	-75.82%	5.06	1,770	22.1%	10.50	13.91	57.50	57.50
CMBB2506	6/30/2025	69	3,900	-80.25%	2.30	1,300	21.5%	11.98	4.56	23.10	23.10
CFPT2504	5/26/2025	34	812,100	-84.96%	16.00	60	20.0%	9.45	16.60	110.40	110.40
CMSN2506	9/19/2025	150	10,100	-76.91%	7.56	600	20.0%	5.13	13.56	58.70	58.70
CVHM2504	6/30/2025	69	72,300	-71.39%	4.45	6,000	20.0%	26.54	16.45	57.50	57.50
CVJC2501	6/30/2025	69	22,000	-85.57%	10.61	240	20.0%	12.16	12.05	83.50	83.50
CVPB2412	6/30/2025	69	1,055,800	-85.56%	2.28	60	20.0%	7.17	2.40	16.60	16.60
CVHM2408	11/4/2025	196	70,900	-57.77%	3.80	5,120	19.1%	13.45	24.28	57.50	57.50
CVRE2506	7/21/2025	90	2,800	-72.72%	1.90	930	17.7%	4.68	5.62	20.60	20.60
CMWG2407	11/4/2025	196	232,600	-82.02%	7.00	550	17.0%	8.41	10.30	57.30	57.30
CVHM2502	10/27/2025	188	28,700	-64.35%	4.50	3,200	16.8%	10.62	20.50	57.50	57.50
CMWG2503	10/27/2025	188	97,600	-78.62%	6.30	1,190	16.7%	10.23	12.25	57.30	57.30

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 22/04/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CMBB2409 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 37.93%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.19%.
- CVIC2501, CVHM2503, CVHM2408, CVIC2502, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CFPT2403, CVRE2504, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	57.50	4.55%	2.53
MWG	57.30	3.06%	1.93
LPB	33.25	0.61%	0.54
MBB	23.10	0.65%	0.48
MSN	58.70	1.03%	0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	59.00	-4.07%	-2.60
TCB	25.15	-2.33%	-2.53
FPT	110.40	-1.16%	-1.14
SSI	22.25	-2.84%	-0.82
VNM	56.00	-1.23%	-0.54

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	57.50	4.55%	2.58	4.11
HVN	31.90	4.59%	0.78	2.21
MWG	57.30	3.06%	0.62	1.48
VCB	58.50	0.52%	0.61	8.36
FRT	159.80	5.83%	0.31	0.14

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VFS	17.80	5.33%	0.07	0.12
PGS	32.90	6.82%	0.07	0.05
VIF	17.20	1.78%	0.07	0.35
VNC	58.00	9.64%	0.04	0.01
NFC	32.30	9.86%	0.03	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ABR	16.20	6.93%	0.01	0.01
SFG	10.65	6.93%	0.01	0.04
CRC	8.97	6.91%	0.01	0.85
VAF	17.05	6.90%	0.01	0.00
CMV	8.55	6.88%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	13.30	9.92%	0.02	0.00
NFC	32.30	9.86%	0.18	0.01
SVN	6.80	9.68%	0.05	1.18
VNC	58.00	9.64%	0.21	0.00
KHS	16.30	9.40%	0.07	0.46

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	59.00	-4.07%	-2.21	3.82
GVR	22.30	-5.91%	-1.27	4.00
TCB	25.15	-2.33%	-1.00	7.06
BCM	52.00	-5.80%	-0.75	1.04
BSR	15.00	-4.46%	-0.50	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

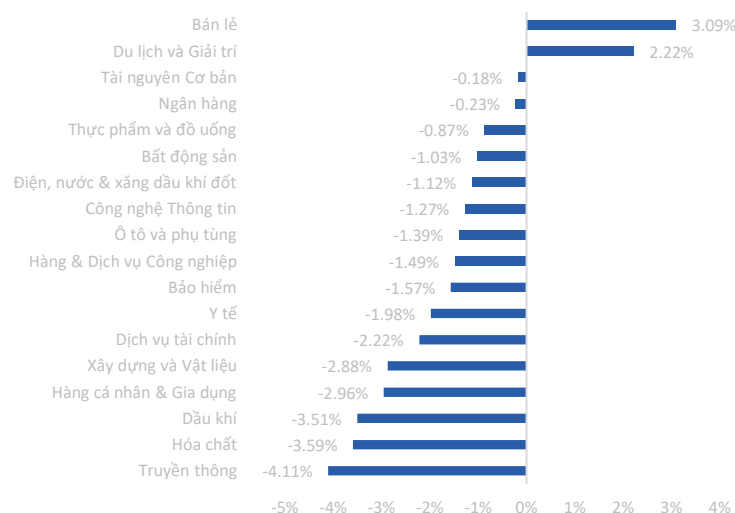
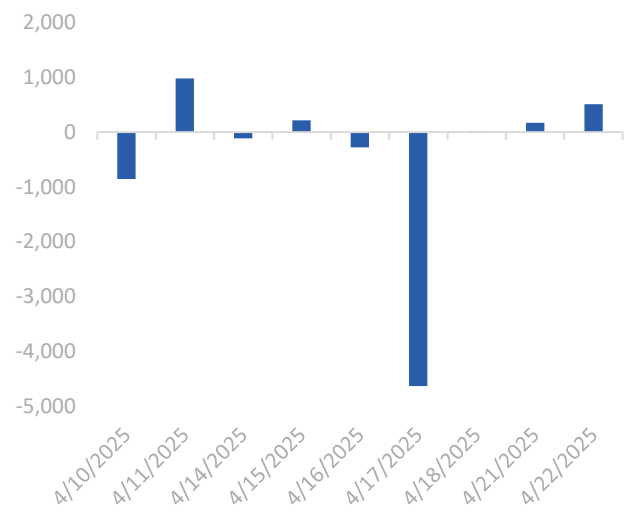
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	200.90	-4.92%	-1.22	0.20
HUT	12.10	-7.63%	-0.51	0.89
IDC	34.80	-3.87%	-0.28	0.33
VCS	43.40	-5.24%	-0.23	0.16
NVB	9.90	-2.94%	-0.21	1.17

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDI	5.45	-7.00%	-0.03	1.64
HU1	5.86	-6.98%	0.00	0.00
NHA	19.35	-6.97%	-0.01	1.41
TMT	11.35	-6.97%	-0.01	0.02
VPH	5.35	-6.96%	-0.01	0.42

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTL	7.30	-9.88%	-0.11	0.00
SDU	18.50	-9.76%	-0.13	0.00
ATS	11.40	-9.52%	-0.01	0.00
NHC	22.10	-9.43%	-0.02	0.00
PGN	7.00	-9.09%	-0.02	0.16

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	57.3	3.1%	1.6	82,229	910.8	2,544	21.9		46.9%	
KBC	Bất động sản	21.4	-2.1%	1.4	16,734	445.8	498	43.8		16.6%	
KDH	Bất động sản	26.2	-3.0%	1.2	27,301	131.3	863	31.3		35.9%	
PDR	Bất động sản	15.3	-6.7%	1.7	14,319	195.2	191	86.0	23,600	7.9%	Link
VHM	Bất động sản	57.5	4.6%	1.1	225,908	586.4	7,349	7.5	58,200	12.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	110.4	-1.2%	1.0	164,318	1103.4	5,371	20.8	163,000	41.5%	Link
BSR	Dầu khí	15.0	-4.5%	0.0	48,678	71.6	204	77.1		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.5	-1.5%	1.3	12,857	198.8	2,238	12.0	40,300	16.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.6	0.8%	1.5	17,567	660.6	1,394	17.5		40.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	22.3	-2.8%	1.4	44,927	1059.9	1,536	14.9		35.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	0.3%	1.3	25,636	519.0	1,602	22.3		30.6%	
DCM	Hóa chất	30.8	-0.8%	1.4	16,411	100.2	2,682	11.6	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	88.2	1.3%	1.6	33,079	290.3	7,864	11.1	111,400	15.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	0.0%	0.9	107,646	322.4	3,759	6.4	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	35.1	-0.4%	1.0	247,503	129.9	3,635	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.1	-0.4%	1.0	200,032	547.6	4,720	7.9	50,000	26.7%	Link
HDB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	1.0	71,299	372.2	3,667	5.6		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.1	0.7%	1.0	140,047	1024.8	3,729	6.2	26,300	22.1%	Link
MSB	Ngân hàng	11.1	-0.5%	1.2	28,990	273.3	2,123	5.3	14,000	27.3%	Link
STB	Ngân hàng	40.7	0.5%	1.0	76,257	1316.2	5,351	7.6		20.9%	
TCB	Ngân hàng	25.2	-2.3%	1.2	181,920	881.3	3,054	8.4	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	-1.1%	1.2	35,799	332.0	2,298	5.9	-	23.6%	Link
VCB	Ngân hàng	58.5	0.5%	0.7	486,300	229.1	4,049	14.4		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.5	-0.9%	1.0	54,667	106.0	2,424	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	16.6	-0.6%	1.0	132,497	520.0	1,989	8.4	25,500	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.1	0.4%	1.2	159,586	1167.6	1,879	13.3	37,500	21.6%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	12.5	-6.0%	1.4	8,259	165.6	935	14.2	22,700	6.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.1	-0.7%	1.6	9,120	441.1	2,712	10.1	31,000	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	58.7	1.0%	1.3	83,568	921.2	1,345	43.2		25.0%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.0	-1.2%	0.6	118,500	398.7	4,494	12.6		49.0%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	31.6	-0.32%	1.8	6,948	51.5	2,042	15.5	18.8%		Link
FRT	Bán lẻ	159.8	5.83%	1.3	20,573	217.1	2,331	64.8	31.8%		
BVH	Bảo hiểm	43.4	-1.36%	1.2	32,662	72.2	2,843	15.5	26.6%		
DIG	Bất động sản	14.2	-6.89%	1.5	9,300	441.3	188	81.2	3.1%		
DXG	Bất động sản	14.0	-2.10%	1.5	12,453	378.8	348	41.1	20.6%		Link
HDC	Bất động sản	21.0	-6.46%	1.3	4,004	182.1	384	58.5	3.5%		
HDG	Bất động sản	22.5	0.00%	1.4	7,567	93.3	1,036	21.7	19.5%		
IDC	Bất động sản	34.8	-3.87%	1.4	11,946	130.0	6,049	6.0	17.4%		
NLG	Bất động sản	26.7	-3.44%	1.4	10,647	186.7	1,346	20.5	37.7%		Link
SIP	Bất động sản	56.1	-6.66%	0.0	12,653	84.4	5,584	10.8	4.8%		
SZC	Bất động sản	28.0	-6.35%	1.3	5,382	111.4	2,036	14.7	2.9%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	16.8	-1.18%	1.5	11,326	287.5	1,466	11.6	8.6%		Link
VIC	Bất động sản	59.0	-4.07%	1.1	235,155	1073.0	3,069	20.0	7.8%		
VRE	Bất động sản	20.6	0.98%	1.0	46,355	395.5	1,802	11.3	19.2%		
CMG	Công nghệ Thông tin	30.7	-2.85%	1.1	6,677	46.0	1,478	21.4	36.4%		
PLX	Dầu khí	33.1	-2.07%	0.9	42,946	38.8	2,274	14.9	17.4%		Link
PVD	Dầu khí	16.9	-5.06%	1.1	9,895	169.3	1,255	14.2	8.1%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.5	-5.59%	1.7	11,503	263.2	1,816	20.7	29.5%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.0	-1.14%	1.7	15,064	225.2	1,650	15.9	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	57.5	-1.03%	0.9	136,109	67.4	4,439	13.1	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.9	-2.07%	1.0	28,337	219.2	475	25.5	3.7%		
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	-1.03%	1.0	32,123	107.2	4,237	16.1	49.0%		
VJC	Du lịch và Giải trí	83.5	-0.60%	0.5	45,495	154.7	2,632	31.9	12.6%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	26.3	-3.66%	1.5	23,462	852.1	1,910	14.3	11.1%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.8	-1.89%	1.0	20,043	261.8	4,609	10.4	39.4%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.4	1.85%	1.3	7,703	259.7	4,399	13.5	13.5%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.6	-2.83%	1.2	7,547	70.3	3,071	6.9	11.3%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.8	-1.22%	0.0	11,935	198.1	3,146	31.2	6.6%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	67.1	-3.45%	1.0	23,484	163.1	6,300	11.0	46.5%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.0	-3.45%	0.8	2,954	60.1	2,710	10.7	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.6	-3.70%	1.3	1,986	34.7	2,580	6.3	16.9%	17.0%	
DPM	Hóa chất	32.0	-3.03%	1.3	12,914	124.2	1,374	24.0	8.5%		Link
GVR	Hóa chất	22.3	-5.91%	1.6	94,800	152.7	997	23.8	0.6%		
EIB	Ngân hàng	18.4	-2.13%	1.1	35,019	436.3	1,786	10.5	3.7%		Link
LPB	Ngân hàng	33.3	0.61%	0.6	98,730	158.9	3,333	9.9	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.1	-1.83%	0.0	22,441	23.1	2,702	6.1	1.8%		
OCB	Ngân hàng	10.5	-0.48%	1.1	25,891	109.2	1,287	8.2	19.3%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.3	-4.64%	1.5	5,304	191.6	1,349	8.8	5.7%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	14.9	-3.87%	1.6	4,127	18.5	612	25.3	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.7	-0.15%	0.7	9,957	176.6	1,520	21.6	3.4%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.6	-1.06%	1.2	60,409	64.3	3,376	14.0	59.2%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	43.8	-6.91%	1.3	10,549	79.4	5,463	8.6	24.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	135.0	0.82%	1.1	10,961	76.1	12,103	11.1	84.5%		
CTD	Xây dựng và Vật liệu	77.2	-0.77%	1.6	7,775	201.4	3,718	20.9	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	78.1	-5.45%	1.3	9,448	108.3	4,705	17.6	8.0%		
DPG	Xây dựng và Vật liệu	49.6	-2.75%	1.4	3,213	63.5	3,553	14.4	7.9%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	11.7	-1.68%	1.5	5,144	157.4	987	12.1	6.9%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	20.5	-3.30%	1.3	7,582	56.3	1,307	16.2	16.6%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-1.36%	1.5	13,169	598.2	1,548	14.2	7.5%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	37.4	-6.62%	1.5	17,934	69.8	2,720	14.7	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>